

Số: /BC-UBND

Tuần Giáo, ngày 13 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO

Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị Trung ương 5, khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn huyện Tuần Giáo

Căn cứ Văn bản số 1721/SNN-PTNT ngày 28/7/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên Về việc báo cáo kết quả 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ-TW và 10 năm thi hành Luật HTX năm 2012.

UBND huyện Tuần Giáo báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 của Hội nghị Trung ương 5, khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn huyện với nội dung sau:

Phần I

TÌNH HÌNH TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW

Sau khi Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 của Hội nghị Trung ương 5, khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể và các văn bản khác có liên quan được ban hành¹, Huyện ủy Tuần Giáo đã tổ chức Hội nghị quán triệt, triển khai Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 cho cán bộ chủ chốt của huyện; UBND huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn nghiên cứu, tăng cường công tác tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 và các văn bản khác bằng nhiều hình thức như: Tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở, tại các khu dân cư, trên xe lưu động, bằng băng rôn, pa nô trực quan... lồng ghép với các hội nghị, hội thi, hội diễn, các cuộc họp tại cơ sở, từ đó đã tạo được sự thống nhất cao về nhận thức, tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, vị trí của kinh tế tập thể trong thời kỳ mới. Hàng năm UBND huyện đều ban hành kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, kế hoạch phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2016-2020, trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế tập thể phù hợp với tình hình thực tế của huyện.

¹ Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 02/01/2008 của Ban Bí thư về tăng cường lãnh đạo thực hiện Nghị quyết hội nghị trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/3/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Kết luận số 70-KL/TW ngày 9/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể,...

Bên cạnh kết quả đạt được, việc cụ thể hoá Nghị quyết còn có một số khó khăn, hạn chế cơ bản sau: Một số văn bản ban hành chưa đồng bộ, khó thực hiện tại các tỉnh miền núi (Thông tư số 66/2006/TT-BTC ngày 17/7/2006 của Bộ Tài chính về thực hiện Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về chế độ tài chính hỗ trợ các sáng lập viên HTX, các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của HTX); Việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thi hành Luật HTX còn chưa thường xuyên; Một số nội dung đã nêu trong Nghị quyết số 13-NQ/TW đến nay chưa được thể chế hoá như chính sách về giao đất, cho thuê đất đối với hợp tác xã; chính sách tài chính - tín dụng (Mặc dù trong Nghị quyết có nội dung thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, nhưng đến nay tỉnh Điện Biên chưa thành lập được quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã); khó khăn trong thực hiện chính sách thu hút cán bộ quản lý và khoa học kỹ thuật về công tác tại HTX.

Phần II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NÔNG NGHIỆP (NN) GIAI ĐOẠN 2001-2021

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW

1. Về thống nhất nhận thức trong quan điểm phát triển KTTT, HTX

a) Về thống nhất nhận thức các quan điểm nêu trong Nghị quyết số 13-NQ/TW

Thông qua các hoạt động tuyên truyền, toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân huyện Tuần Giáo thống nhất nhận thức về vị trí, vai trò, tính tất yếu khách quan của tổ chức kinh tế tập thể trong phát triển kinh tế-xã hội, cụ thể:

- KTTT với nhiều hình thức đa dạng, mà nòng cốt là HTX, dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc các thành phần kinh tế, không giới hạn quy mô, lĩnh vực và địa bàn.

- Phân phối theo lao động, theo vốn góp và mức độ tham gia dịch vụ; hoạt động theo nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Thành viên KTTT bao gồm các thể nhân và pháp nhân, cả người ít vốn và nhiều vốn, cùng góp vốn và góp sức trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng cùng có lợi và quản lý dân chủ.

- KTTT lấy lợi ích kinh tế làm chính, bao gồm lợi ích của các thành viên và lợi ích của tập thể, đồng thời coi trọng lợi ích xã hội của thành viên, góp phần xóa đói, giảm nghèo, tiến lên làm giàu cho các thành viên, phát triển cộng đồng. Đánh giá hiệu quả KTTT phải toàn diện cả kinh tế-chính trị-xã hội, cả hiệu quả của tập thể và của các thành viên.

- Tiếp tục phát triển KTTT trong các ngành, lĩnh vực, địa bàn, trong đó trọng tâm là khu vực nông nghiệp, nông thôn. Phát triển KTTT trong nông nghiệp, nông thôn phải trên cơ sở đảm bảo quyền tự chủ của kinh tế hộ, trang trại, hỗ trợ đặc lực cho kinh tế hộ, trang trại phát triển; gắn với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Khuyến khích việc tích lũy, sử dụng có hiệu quả vốn tập thể trong HTX.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao vai trò quản lý nhà nước trong tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể... Phát huy vai trò của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân (Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn, Hội Cựu chiến binh...) trong việc tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia KTTT.

- Phát triển KTTT theo phương châm tích cực nhưng vững chắc, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, đi từ thấp đến cao đạt hiệu quả thiết thực, vì sự phát triển của sản xuất, tránh duy ý chí, nóng vội, gò ép, áp đặt; đồng thời không buông lỏng lãnh đạo để mặc cho tình hình phát triển tự phát, chậm nắm bắt và đáp ứng nhu cầu về phát triển kinh tế hợp tác của nhân dân.

b) Về phương thức triển khai

Sau khi Nghị quyết số 13-NQ/TW được ban hành, HĐND huyện, UBND huyện đã ban hành một số văn bản định hướng phát triển kinh tế tập thể, HTX trong từng giai đoạn và hằng năm (*Chi tiết như Phụ lục I.1 kèm theo*); lồng ghép kế hoạch phát triển KTTT, HTX trong kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của huyện; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn, UBND các xã, thị trấn nghiên cứu, tuyên truyền phổ biến, quán triệt triển khai tới cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc và người lao động trong khu vực kinh tế tập thể. Nhìn chung, công tác thể chế hoá các chủ trương, chính sách nêu trong Nghị quyết đã được Huyện uỷ, UBND huyện thực hiện khá đầy đủ, bước đầu tạo được môi trường thuận lợi cho KTTT phát triển.

2. Về xác lập môi trường thể chế và tâm lý xã hội thuận lợi cho KTTT, HTX phát triển

Sau khi Nghị quyết được ban hành, môi trường thể chế từng bước được hoàn thiện, nhiều văn bản quy phạm pháp luật về KTTT, HTX đã được sửa đổi, bổ sung và ban hành mới, trong đó có Luật HTX năm 2003, Luật HTX năm 2012, cùng rất nhiều các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành. Từ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho KTTT, HTX phát triển hiệu quả hơn.

3. Về sửa đổi, bổ sung một số cơ chế, chính sách

a) Chính sách cán bộ và nguồn nhân lực:

- Những kết quả đạt được: Tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng cán bộ quản lý, thành viên HTX NN về Luật HTX năm 2012 cùng các văn bản hướng dẫn cho 500 lượt người tham gia, kinh phí thực hiện 90 triệu đồng. Phối hợp với Chi cục PTNT tỉnh, cử 200 học viên gồm công chức quản lý nhà nước, thành viên HTX tham gia các lớp tập huấn bồi dưỡng về lĩnh vực kinh tế tập thể, chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP.

- Trong quá trình thực hiện còn có một số tồn tại, hạn chế: Số lượng cán bộ quản lý HTX tham dự các khoá bồi dưỡng còn ít, trình độ thấp và không đồng

đều, nội dung tập huấn chưa phong phú. Nguồn kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý HTX còn hạn hẹp. Chính sách thu hút cán bộ khoa học, quản lý về HTX chưa được thực hiện. Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với thành viên và người lao động làm việc theo hợp đồng trong HTX chưa được quan tâm và thực hiện nghiêm túc.

b) Chính sách đất đai:

- Những kết quả đạt được: Đối với đất ở của các hộ gia đình, cá nhân hợp pháp được sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh thì KTTT tiếp tục được sử dụng mà không phải nộp tiền thuê đất khi sử dụng vào sản xuất kinh doanh. Khuyến khích mạnh mẽ việc sử dụng đất ở các vùng, xã còn nhiều đất trống, đồi núi trọc. Tạo điều kiện cấp quyền sử dụng đất, cho thuê đất (theo pháp luật) để KTTT phát triển.

- Trong quá trình thực hiện còn có một số tồn tại, hạn chế: Nhiều HTX chưa có trụ sở làm việc, phần lớn sử dụng nhà của giám đốc HTX hoặc đi thuê. Mặc dù đã có các quy định ưu đãi về đất đai đối với HTX nhưng vẫn thiếu các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ cụ thể cho các HTX, vì vậy còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện. Còn có sự chông chéo giữa các quy định của pháp luật hiện hành về chính sách hỗ trợ đất đai cho các HTX như: Tại Nghị định 88/2005/NĐ-CP xác định HTX là đối tượng được ưu tiên giao đất, cho thuê đất nhưng theo Nghị định 181/2004/NĐ-CP thì đối tượng được ưu tiên thuê các loại đất công ích chưa sử dụng là cho các hộ gia đình, cá nhân tại địa phương, do vậy, phần lớn quỹ đất công của địa phương đã được cho thuê, không còn đất để hỗ trợ cho các HTX.

c) Chính sách tài chính tín dụng:

- Chính sách tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển HTX:

+ Những kết quả đạt được: Các HTX chưa tiếp cận được với các khoản tín dụng dài hạn để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật.

+ Trong quá trình thực hiện còn có một số tồn tại, hạn chế: Hầu hết, các HTX chưa được vay vốn bình đẳng như doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, số HTX và số vốn được vay ít so với nhu cầu. Nguyên nhân là do các HTX rất khó tiếp cận với các tổ chức tín dụng, HTX không có tài sản thế chấp, hoặc tài sản thế chấp không đủ để vay vốn, không có dự án vay vốn khả thi, thủ tục vay vốn còn rườm rà, phức tạp.... Nhiều chính sách hỗ trợ được ban hành nhưng tính khả thi không cao như Nghị định số 41/2010/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn, trong đó quy định HTX được tổ chức tín dụng xem xét, cho vay không có bảo đảm bằng tài sản lên đến 500 triệu đồng, nhưng trên thực tế chưa có HTX nào tiếp cận được nguồn vốn này. Quỹ hỗ trợ phát triển HTX của tỉnh chưa được thành lập, vì vậy thiếu nguồn vốn cho HTX vay để hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhiều HTX chưa tổ chức được hoạt động tín dụng nội bộ.

- Chính sách hỗ trợ về khoa học và công nghệ:

+ Những kết quả đạt được: Huyện phối hợp với Liên minh HTX tỉnh tư vấn, giúp đỡ cho các HTX trong chuyển giao công nghệ, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, từ đó, giúp cho các HTX hoạt động sản xuất, kinh doanh hiệu quả hơn.

+ Trong quá trình thực hiện còn có một số tồn tại, hạn chế: Hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư chưa gắn kết và phát huy vai trò trong việc hỗ trợ khoa học công nghệ cho khu vực KTTT. Chưa có cơ chế khuyến khích các cơ quan nghiên cứu khoa học, công nghệ liên kết với HTX, chuyển giao thành tựu khoa học công nghệ cho HTX.

- Chính sách hỗ trợ tiếp thị và mở rộng thị trường.

+ Những kết quả đạt được: Liên minh HTX tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Xúc tiến thương mại của tỉnh đã tư vấn và hỗ trợ cho các HTX tham gia các Hội chợ ở trong và ngoài tỉnh, tạo điều kiện cho các HTX NN giới thiệu, quảng bá, ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm. Thông qua hoạt động này, các HTX này từng bước khẳng định được thương hiệu sản phẩm, mở rộng thị trường, góp phần nâng cao năng lực hoạt động của HTX. Tuy nhiên, với huyện Tuần Giáo, chưa có HTX nào có sản phẩm đủ mạnh để giới thiệu, quảng bá, ký kết hợp đồng tiêu thụ.

+ Trong quá trình thực hiện còn có một số tồn tại, hạn chế: Hầu hết các HTX chưa tham gia vào chương trình đưa hàng Việt Nam về nông thôn, chương trình người Việt Nam dùng hàng Việt Nam; còn thiếu thông tin về thị trường, tính cạnh tranh sản phẩm thấp so với các loại hình doanh nghiệp khác. Chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hoá thông qua hợp đồng đã được Chính phủ ban hành, nhưng do chưa có cơ chế khuyến khích cụ thể và chế tài xử lý các vấn đề phát sinh nên chưa khuyến khích được việc ký hợp đồng trực tiếp giữa doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ nông sản với nông dân thông qua HTX.

- Chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng.

+ Những kết quả đạt được: Chưa có HTX nào của huyện Tuần Giáo được hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng từ nguồn Ngân sách của địa phương như: Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi nội đồng, điện nước,..

+ Trong quá trình thực hiện còn có một số tồn tại, hạn chế: Số lượng HTX được hưởng chính sách về đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng còn ít, mức kinh phí hỗ trợ còn hạn chế. Nhiều địa phương chưa coi HTX là một trong các đối tượng, đầu mối thực hiện các chương trình, dự án của Nhà nước trên địa bàn.

- Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế-xã hội: Trong giai đoạn 2001-2021, huyện đã thực hiện lồng ghép các chính sách, chương trình, hỗ trợ sản xuất cho các HTX NN với tổng nguồn vốn là 2.120 triệu đồng, trong đó: Hỗ trợ từ Nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM cho HTX Đông Liếng xã Mường Thín: 108 triệu đồng; hỗ trợ theo Quyết định 45/2018/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên cho HTX Dịch vụ nông nghiệp Rạng Đông: 665 triệu đồng; hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi cho 05 HTX có hoạt động dịch vụ

nông nghiệp tại xã Mường Thín, Quài Nưa, Rạng Đông, Mùn Chung, Quài Tở: 1.347 triệu đồng.

- Chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh: Trong giai đoạn 2001-2021, huyện phối hợp với Liên minh HTX tỉnh, Trung tâm các chương trình kinh tế-xã hội thuộc Liên minh HTX Việt Nam triển khai dự án Hỗ trợ chăn nuôi gia súc cho các hộ nông dân nghèo xã Quài Nưa (hỗ trợ 10 con bò cho 20 hộ thành viên nghèo, với tổng kinh phí hỗ trợ là 200 triệu đồng). Đồng thời, thường xuyên cử cán bộ đến kiểm tra tình hình thực hiện các dự án hỗ trợ chăn nuôi trâu, bò hướng sinh sản cho các hộ thành viên nghèo ở các HTX thuộc địa bàn xã Mường Thín. Nhìn chung, tình hình thực hiện dự án của các HTX tương đối tốt, các hộ được hỗ trợ giống đã chăm sóc đàn trâu, bò được giao theo đúng quy trình kỹ thuật được hướng dẫn.

Ngoài các chính sách nêu trên, một số chính sách khác cũng đã được áp dụng triển khai đối với HTX như: Áp dụng theo quy định chung của Luật thuế, cơ quan thuế đã thực hiện chính sách miễn, giảm thuế cho các HTX trên địa bàn; chính sách xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới; chính sách hỗ trợ cước vận chuyển giống thủy sản;...tuy nhiên, hiệu quả thực hiện các chính sách này chưa cao.

d) Hỗ trợ thành lập mới, tổ chức lại hoạt động HTX:

Huyện đã cung cấp thông tin, tuyên truyền, tư vấn kiến thức về Luật HTX, tư vấn về trình tự thủ tục để thành lập mới HTX. Trong 20 năm qua, huyện đã tư vấn thành lập mới cho 18 HTX NN theo Luật HTX năm 2012.

Thường xuyên phân công cán bộ tuyên truyền, cung cấp thông tin về các quy định của pháp luật về HTX trước khi thành lập HTX cho sáng lập viên; tư vấn xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh, hướng dẫn các thủ tục thành lập, đăng ký và tổ chức hoạt động của HTX; tư vấn thực hiện các thủ tục tổ chức lại hoạt động cho 02 HTX theo quy định của Luật HTX 2012.

(Số liệu theo Phụ lục I.4 kèm theo)

4. Về nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước

a) Về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KTTT:

UBND huyện đã phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn trực thuộc huyện trong công tác quản lý HTX, cụ thể: Phòng Tài chính-Kế hoạch là nơi tiếp nhận việc thành lập, thành lập lại, chia tách, hợp nhất, sát nhập, giải thể HTX và là đầu mối tổng hợp tình hình hoạt động kinh tế tập thể của huyện; Phòng Nông nghiệp & PTNT quản lý theo ngành (theo dõi, hướng dẫn, đề xuất, tổng hợp việc thực hiện các chính sách, chế độ hỗ trợ của Nhà nước trong lĩnh vực nông-lâm nghiệp, thủy sản) đối với các HTX NN trên địa bàn. Tuy nhiên, hiện nay huyện chưa có cán bộ chuyên trách theo dõi về KTTT, HTX; thường bố trí một công chức kiêm nhiệm trong Phòng Tài chính-Kế hoạch, một công chức kiêm nhiệm trong Phòng Nông nghiệp & PTNT.

Hiện tại, huyện chưa thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX tại địa phương.

b) Về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về KTTT:

Sau khi Luật HTX năm 2012, các Nghị định, Thông tư ban hành cùng với sự hướng dẫn của Sở Kế hoạch-Đầu tư, UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Tài chính-Kế hoạch thực hiện rà soát các thủ tục hành chính trong lĩnh vực HTX. Đến nay tất cả những thủ tục hành chính về thành lập, thành lập lại, chia tách, hợp nhất, sát nhập, giải thể HTX đều được niêm yết đầy đủ tại Phòng Tài chính-Kế hoạch để nhân dân và các HTX đến liên hệ làm việc, các thủ tục hành chính tuân thủ đúng theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 và Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký HTX và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của HTX. Những chính sách hỗ trợ HTX NN được hướng dẫn, giải đáp tại Phòng Nông nghiệp và PTNT theo lĩnh vực quản lý Nhà nước được giao.

Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về KTTT còn thiếu về số lượng, chưa bố trí được cán bộ chuyên trách quản lý về KTTT, chủ yếu là kiêm nhiệm nên việc nắm bắt các chủ trương, cơ chế, chính sách; việc hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho HTX, còn hạn chế, không kịp thời; chậm tham mưu, đề xuất cho huyện về chủ trương, cơ chế, chính sách, giải pháp thúc đẩy KTTT cho phù hợp.

(Số liệu theo Phụ lục I.2 kèm theo)

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2001-2021

1. Về tổ hợp tác trong nông nghiệp (THT NN)

a) Tổng hợp số liệu và đánh giá sự phát triển của các loại hình THT NN:

- Tính đến năm 2019, trên địa bàn huyện có 174 THT đang tham gia hoạt động cung cấp dịch vụ thủy lợi trong nông nghiệp-lâm-ngư nghiệp, trong đó có 174 THT được UBND cấp xã, thị trấn chứng thực; không có THT thành lập mới.

- Số lượng thành viên của THT là 696 người, các thành viên này thực hiện vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi, nhằm bảo vệ và phát huy tốt hiệu quả công trình phục vụ tưới tiêu cho các diện tích lúa, hoa màu, thủy sản của nông hộ từng bản trong xã, thị trấn.

b) Tính chất và trình độ phát triển của các THT NN: Các THT trên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, gọn nhẹ. Các thành viên trong tổ thay phiên thường trực đảm bảo hệ thống tưới tiêu duy trì thường xuyên, có kế hoạch khắc phục các sự cố đối với các công trình thủy lợi trong mùa mưa lũ hoặc mùa khô hạn.

c) Tình hình và kết quả hoạt động của các THT NN:

- Tài sản bình quân của THT: 0 triệu đồng, trong đó tài sản không chia của THT: 0 triệu đồng.

- Doanh thu bình quân của THT: 8 triệu đồng/năm, lợi nhuận bình quân của THT: 8 triệu đồng/năm.

- Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của THT: 2 triệu đồng/năm.

- Số lượng cán bộ quản lý THT là 174 người, trong đó không có cán bộ quản lý đạt trình độ từ sơ cấp trở lên.

- Đóng góp của khu vực THT vào kinh tế-xã hội tại địa phương không đáng kể.

d) Những hạn chế, khó khăn:

- Các THT NN trên địa bàn huyện hiện nay có quy mô nhỏ, công việc chủ yếu thực hiện vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi; nguồn nhân lực của THT không được đào tạo bài bản, năng lực còn nhiều hạn chế; hoạt động THT còn lỏng, thiếu tính liên kết, ít linh hoạt, sáng tạo; chậm khắc phục tình trạng khó khăn yếu kém; chưa chủ động xây dựng kế hoạch, phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh, hiệu quả thấp, chưa chủ động mở rộng hình thức kinh doanh theo hướng đa ngành nghề; chưa có các hình thức liên doanh liên kết khu vực THT với các tổ chức doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Trình độ lao động còn thấp; nhiều nơi thành viên tham gia mang tính hình thức, chưa thu hút sự tham gia đầy đủ và phát huy tinh thần trách nhiệm của thành viên vào hoạt động cũng như công tác kiểm tra, giám sát THT.

- Tất cả các THT làm ăn kém hiệu quả, tốc độ tăng trưởng thấp, không có tích lũy, khả năng đóng góp cho ngân sách không đáng kể.

- Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về THT đã được ban hành nhưng vẫn còn THT chưa nắm bắt được hoặc chậm triển khai thực hiện.

đ) Nguyên nhân hạn chế, khó khăn

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền các cấp chưa thực sự quan tâm đúng mức tới việc phát triển THT, việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với các THT còn chậm, thiếu đồng bộ.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị định, Thông tư và Kế hoạch, Quyết định của tỉnh về các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển THT thực hiện chưa đồng bộ nên nhận thức của nhân dân, thành viên về THT còn chưa đầy đủ.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước đối với THT là kiêm nhiệm, chưa được thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng.

- Các THT chưa tích cực huy động các nguồn lực nội tại để phát triển, chậm thích ứng với cơ chế thị trường.

- Trình độ, năng lực của cán bộ THT còn hạn chế, hầu như chưa qua đào tạo, lúng túng trong hoạt động, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới của THT. Mặt khác, do thu nhập đối với cán bộ THT thấp, chế độ chính sách lâu dài chưa có đã làm giảm động lực của bộ máy quản lý cũng như thu hút những người có năng lực, trình độ tham gia THT.

- Các chính sách hỗ trợ THT về tài chính, tín dụng, đào tạo cán bộ... của Nhà nước nhằm khuyến khích, giúp đỡ THT phát triển nhưng thực tế các THT chưa được tiếp cận và thụ hưởng.

2. Về hợp tác xã nông nghiệp

Trong những năm gần đây, các HTX NN đang hoạt động trên địa bàn huyện Tuần Giáo đã từng bước khắc phục được những khó khăn, yếu kém, mạnh dạn đầu tư vốn, đổi mới phương thức hoạt động kinh doanh, có sự liên kết chặt chẽ với các thành phần kinh tế khác, tận dụng và phát huy các tiềm năng thế mạnh của địa phương như: Chăn nuôi đại gia súc, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng..., cán bộ quản lý đã năng động hơn và dân thích nghi với kinh tế thị trường, mở rộng nhiều ngành nghề mới. Do vậy, hiệu quả kinh doanh dịch vụ của một số HTX NN ngày càng tăng, thu nhập và đời sống kinh tế của các hộ xã viên ngày càng cải thiện rõ rệt, cụ thể:

a) Tình hình phát triển HTX NN (dự kiến đến 31/12/2021):

- Toàn huyện có 18 HTX NN (tăng 18 HTX so với thời điểm 31/12/2001), trong đó: số lượng HTX NN thành lập mới là 18 HTX; số HTX NN đang hoạt động tốt là 08 HTX; số HTX NN hoạt động cầm chừng là 10 HTX.

- Số lượng thành viên HTX NN là 205 người (tăng 205 người so với thời điểm 31/12/2001); Số lao động làm việc thường xuyên trong HTX là 205 người, đồng thời là thành viên của HTX, HTX chỉ thuê lao động công nhật vào ngày mùa hoặc khi có việc làm.

b) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các HTX NN

- Tổng số vốn đăng ký hoạt động 38,702 tỷ đồng, trong đó tổng số vốn đăng ký mới 38,702 tỷ đồng (tăng 38,702 đồng so với thời điểm 31/12/2001), chủ yếu là giá trị tài sản của HTX.

- Doanh thu bình quân của HTX đạt 1.050 triệu đồng/năm (tăng 1.050 triệu đồng so với thời điểm 31/12/2001).

- Thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên trong HTX đạt 31,0 triệu đồng/năm, (tăng 31,0 triệu đồng so với thời điểm 31/12/2001).

- Số cán bộ quản lý của 18 HTX NN đang hoạt động là 54 cán bộ và phần lớn là người dân được các xã viên tín nhiệm, bầu chọn nên cán bộ quản lý HTX đạt trình độ sơ cấp, trung cấp và chiếm tỷ lệ 22,2% (12/54 người).

- Đóng góp của khu vực HTX NN vào nền kinh tế địa phương: Góp phần giải quyết công ăn việc làm, tăng thêm thu nhập, ổn định cuộc sống cho người dân. Tuy nhiên, do quy mô HTX NN trên địa bàn huyện nhỏ, yếu, nguồn vốn hạn chế, chỉ giải quyết được việc làm, thu nhập cho các xã viên theo thời vụ, do đó, việc đóng góp vào nền kinh tế huyện chưa cao.

c) Những hạn chế, khó khăn:

- Việc triển khai, quán triệt Nghị quyết ở một số cấp ủy, chính quyền cơ sở và các ngành chức năng chưa được thường xuyên và coi trọng đúng mức. Tham mưu, đề xuất của một số ngành chức năng còn ít. Triển khai thực hiện chính sách tăng cường cán bộ quản lý, kỹ thuật cho HTX NN theo tinh thần Nghị quyết Trung ương chưa được các cấp, các ngành chỉ đạo thực hiện có hiệu quả.

- KTTT của huyện nhìn chung phát triển chậm; chưa khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của địa phương và nội lực của các HTX NN; hiệu quả hoạt động còn thấp. Vị trí, vai trò, tác động của kinh tế tập thể đối với kinh tế của huyện và kinh tế hộ còn hạn chế; tỷ lệ đóng góp vào GDP chưa cao.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, tổ chức Đảng đối với khu vực KTTT chưa thường xuyên; việc đôn đốc, kiểm tra thiếu chặt chẽ. Bộ máy quản lý nhà nước về KTTT hiện nay ở cấp sở và cấp huyện đã bố trí cán bộ theo dõi, quản lý, nhưng vẫn còn thiếu và chủ yếu là kiêm nhiệm, chưa nắm bắt, theo dõi được số lượng HTX NN, tình hình hoạt động của HTX NN, cũng như chưa phát huy hết chức năng, nhiệm vụ của mình trong quản lý nhà nước đối với HTX.

- Nhận thức của một số cán bộ trong các cấp, các ngành về HTX, Luật HTX còn hạn chế; việc triển khai, hướng dẫn thực hiện các quy định của Luật HTX còn chưa được tiến hành đúng, đủ và nghiêm túc.

- Một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ KTTT đề ra trong Nghị quyết số 13-NQ/TW đến nay vẫn chưa được thể chế hoá; một số chính sách và văn bản hướng dẫn có tính khả thi chưa cao, vì vậy các HTX rất khó tiếp cận được các chính sách này; cơ chế, chính sách hỗ trợ cho THT chưa có văn bản pháp luật cụ thể quy định...

- Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân của MTTQ và các đoàn thể quần chúng tham gia xây dựng và phát triển KTTT; tham mưu với các cơ quan nhà nước trong việc xây dựng chính sách và giám sát thi hành pháp luật về HTX còn hạn chế.

d) Nguyên nhân hạn chế, khó khăn

- Cán bộ quản lý nhà nước về KTTT còn thiếu; ngân sách hạn hẹp, nên khó khăn trong việc triển khai công tác tuyên truyền và triển khai chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển HTX NN.

- Nhận thức của một số cấp ủy, tổ chức đảng và một bộ phận cán bộ, đảng viên, quần chúng về KTTT còn mơ hồ; chưa nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò của KTTT đối với kinh tế hộ và phát triển kinh tế-xã hội của địa phương. Việc tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển KTTT chưa được quan tâm đúng mức, hiệu quả thấp.

- Công tác tổng kết và xây dựng mô hình HTX phù hợp với điều kiện thực tế từng ngành, từng địa bàn hoặc từng lĩnh vực còn yếu; việc xây dựng và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến còn hạn chế.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ quản lý nhà nước về KTTT; cán bộ quản lý trong các HTX NN chưa được quan tâm đúng mức.

- Liên minh HTX tỉnh và các đoàn thể chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong phát triển KTTT. Hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ các HTX của Liên minh HTX tỉnh còn hạn chế; nguồn lực và chất lượng cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ công tác.

(Số liệu theo Phụ lục I.3 kèm theo)

3. Mô hình HTX NN, liên hiệp HTX

a) Một số mô hình HTX, liên hiệp HTX nổi bật, điển hình với cách làm mới: Không có.

b) Một số mô hình HTX, liên hiệp HTX thành công theo phương thức sản xuất gắn với chuỗi giá trị: Không có.

III. HẠN CHẾ, BẤT CẬP TRONG VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những hạn chế, bất cập trong thống nhất nhận thức và quan điểm phát triển KTTT, HTX

Việc triển khai, quán triệt Nghị quyết ở một số cấp ủy, chính quyền cơ sở và các ngành chức năng chưa được thường xuyên và coi trọng đúng mức. Tham mưu, đề xuất của một số ngành chức năng còn ít. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân của MTTQ và các đoàn thể quần chúng tham gia xây dựng và phát triển KTTT; tham mưu với các cơ quan nhà nước trong việc xây dựng chính sách và giám sát thi hành pháp luật về HTX còn hạn chế. Một bộ phận nhân dân chưa hiểu rõ về yêu cầu, nội dung của HTX.

Nguyên nhân: Nhận thức ở một số cấp ủy Đảng, chính quyền ở cơ sở chưa thấy hết được vai trò, vị trí của KTTT đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, do đó, còn coi nhẹ và chưa quan tâm đúng mức; Nhiều cán bộ Đảng viên, người lao động vẫn còn mặc cảm với mô hình HTX kiểu cũ. Trình độ dân trí về phát triển KTTT, HTX chưa cao.

2. Những hạn chế, bất cập trong việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung và triển khai cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển KTTT

Một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ KTTT đề ra trong Nghị quyết số 13-NQ/TW đến nay vẫn chưa được thể chế hoá; một số chính sách và văn bản hướng dẫn có tính khả thi chưa cao, vì vậy, các HTX rất khó tiếp cận được các chính sách này; cơ chế, chính sách hỗ trợ cho tổ hợp tác chưa có văn bản pháp luật cụ thể quy định...Triển khai thực hiện chính sách tăng cường cán bộ quản lý, kỹ thuật cho HTX NN theo tinh thần Nghị quyết Trung ương chưa được các cấp, các ngành chỉ đạo thực hiện có hiệu quả.

Nguyên nhân: Một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển KTTT của nhà nước chưa đủ mạnh; chưa có chính sách đặc thù phù hợp với các huyện miền núi khó khăn.

3. Những hạn chế, bất cập trong công tác quản lý của nhà nước về KTTT

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, tổ chức Đảng đối với khu vực KTTT chưa thường xuyên; việc đôn đốc, kiểm tra thiếu chặt chẽ. Bộ máy quản lý nhà nước về KTTT hiện nay ở cấp huyện đã bố trí cán bộ theo dõi, quản lý, tuy nhiên còn thiếu và kiêm nhiệm; nhận thức về KTTT còn nhiều hạn chế, chưa nắm bắt, theo dõi được số lượng HTX NN, tình hình hoạt động của HTX NN, cũng như chưa phát huy hết chức năng, nhiệm vụ của mình trong quản lý nhà nước đối với HTX NN.

Nguyên nhân: Cán bộ quản lý nhà nước về KTTT còn thiếu; ngân sách hạn hẹp, nên khó khăn trong việc triển khai công tác tuyên truyền và triển khai chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển HTX.

IV. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá tổng quát

Sau 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, Chương trình hành động của Tỉnh ủy và Huyện ủy, KTTT mà nòng cốt là HTX của huyện đã phát triển về cả số lượng, quy mô và chất lượng hoạt động; đa dạng hóa các ngành nghề, lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Các HTX đã từng bước thích nghi được với cơ chế thị trường, sản xuất kinh doanh ổn định, một số HTX làm ăn có lãi, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho xã viên và người lao động. Vai trò của các HTX đối với kinh tế hộ được phát huy, đã và đang tạo được lòng tin đối với các cấp, các ngành và nhân dân các dân tộc, xóa được sự mặc cảm đối mô hình HTX kiểu cũ.

Kết quả hoạt động của KTTT, HTX đã góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế- xã hội của huyện; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới... Các đơn vị KTTT, nhất là HTX đã trực tiếp đáp ứng những nhu cầu kinh tế, đời sống, xã hội của các hộ xã viên; đồng thời, đề cao văn hóa, đạo đức, lối sống, tham gia giải quyết các vấn đề xã hội ở địa phương như tạo việc làm và thu nhập cho đối tượng xã hội (thương binh, phụ nữ, người có công với nước, các gia đình chính sách, người lao động nghèo...). Nhiều HTX đã chăm lo cho thành viên về các mặt: Hiếu hỷ, chăm sóc gia đình chính sách, bồi dưỡng đào tạo nghề chuyển hướng sản xuất, huy động các nguồn kinh phí giúp con em các hộ thành viên có điều kiện học tập; góp phần giữ gìn an ninh trật tự, tham gia củng cố hệ thống chính trị tại địa bàn dân cư.

2. Bài học kinh nghiệm

Sau 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW về KTTT, UBND huyện Tuần Giáo rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là, các chủ trương, quan điểm về phát triển KTTT trong Nghị quyết là đúng đắn, cần vận dụng sáng tạo và bảo đảm sự lãnh đạo thường xuyên của các cấp ủy đảng, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước; sự phối kết hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể, tạo sự đồng thuận ủng hộ của toàn xã hội đối với KTTT.

Hai là, coi trọng và thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết của Trung ương, chương trình hành động của Tỉnh uỷ, chương trình hành động của Huyện uỷ để nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của KTTT.

Ba là, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về KTTT cần được thể chế hoá phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Văn bản hướng dẫn về KTTT cần ban hành kịp thời, đồng bộ. Thường xuyên quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn của HTX.

Bốn là, Cần phải có bộ máy quản lý Nhà nước về KTTT từ huyện đến cơ sở mới đủ mạnh để thực hiện nhiệm vụ phát triển KTTT.

Năm là, thực tế cho thấy, ở đâu cấp uỷ, chính quyền quan tâm, coi nhiệm vụ lãnh đạo phát triển KTTT là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên thì nơi đó có sự chuyển biến rõ nét. Vì vậy, phải xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn của các cấp uỷ đảng, chính quyền, các đoàn thể trong việc phát triển KTTT.

Phần III

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NN GIAI ĐOẠN TỚI

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH VÀ YÊU CẦU ĐẶT RA TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế

a) Dự báo bối cảnh tình hình phát triển kinh tế-xã hội trong nước, quốc tế và của tỉnh có ảnh hưởng đến việc đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả KTTT trong giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045:

Cục diện thế giới đa cực ngày càng rõ hơn, xu thế dân chủ hóa trong quan hệ quốc tế tiếp tục phát triển nhưng các nước lớn vẫn sẽ chi phối các quan hệ quốc tế. Toàn cầu hoá và cách mạng khoa học-công nghệ phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy quá trình hình thành xã hội thông tin và kinh tế tri thức. Kinh tế thế giới mặc dù có dấu hiệu phục hồi sau khủng hoảng nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, bất ổn; chủ nghĩa bảo hộ phát triển dưới nhiều hình thức; cơ cấu lại thể chế, các ngành, lĩnh vực kinh tế diễn ra mạnh mẽ ở các nước; tương quan sức mạnh kinh tế giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn có quan hệ ảnh hưởng nhiều với nước ta, có nhiều thay đổi.

Những thành tựu, kinh nghiệm của 30 năm đổi mới đã tạo ra cho đất nước thể và lực, sức mạnh tổng hợp lớn hơn nhiều so với trước. Những năm tới là giai đoạn kinh tế nước ta sẽ phục hồi, lấy lại đà tăng trưởng sau thời kỳ suy giảm; sẽ thực hiện nhiều hơn các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương; khắc phục những hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực kinh tế-xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Tuy nhiên, nước ta vẫn đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, không thể coi thường bất cứ thách thức nào. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị,

tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí là nghiêm trọng. Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu "diễn biến hoà bình", gây bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền" hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta. Trong nội bộ, những biểu hiện xa rời mục tiêu của CNXH, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" có những diễn biến phức tạp.

b) Những cơ hội, thách thức đặt ra đối với phát triển KTTT:

- Cơ hội:

+ Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta đã xúc tiến với bước đi khá vững chắc và đạt được kết quả bước đầu rất đáng khích lệ. Trước hết, Việt Nam đã mở rộng quan hệ kinh tế với hàng loạt quốc gia và khu vực, trở thành thành viên của các tổ chức kinh tế, thương mại chủ chốt, tạo điều kiện thuận lợi cho hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng hiệu quả hơn, đây là thời cơ để cho các sản phẩm hàng hóa của huyện nói chung và của HTX nói riêng tiếp cận với thị trường thế giới.

+ Các HTX có nhiều cơ hội để tham gia các chương trình, dự án khuyến nông, khuyến công; tăng cường hợp tác quốc tế, đẩy mạnh nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa theo tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap,... đủ các điều kiện, tiêu chuẩn để xuất khẩu, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm

+ Nhu cầu tiêu dùng của người dân về sản phẩm sạch tăng cao, tuy nhiên nguồn cung ứng sản phẩm sạch hiện còn rất hạn chế. Đây là cơ hội để đẩy mạnh phát triển HTX trong ngành chế biến lương thực, thực phẩm trong thời gian tới; đặc biệt là phát triển sản phẩm nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ.

- Thách thức:

+ Xu thế và nhu cầu về sản phẩm hàng hóa an toàn, chất lượng đòi hỏi ngày càng cao, đặc biệt là các hàng nông sản.

+ Biến đổi khí hậu hiện hữu ngày càng rõ hơn, có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX.

+ Các sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, giá rẻ của các nước sẽ vào thị trường Việt Nam ngày càng nhiều, mức độ cạnh tranh ngày càng khốc liệt, đặc biệt là yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm... Đây là thách thức rất lớn đối với các HTX của cả nước nói chung và các HTX của huyện nói riêng.

+ Tốc độ tăng trưởng nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi nhưng cũng còn nhiều khó khăn, thách; đặc biệt các diễn biến ở biển Đông có thể có tác động ảnh hưởng tới phát triển kinh tế của cả nước; kinh tế Việt Nam tham gia càng sâu, rộng và chịu tác động trực tiếp của nền kinh tế thế giới.

2. Những yêu cầu đặt ra và xu hướng mới phát triển KTTT, HTX

- Yêu cầu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chất lượng, an toàn, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm.

- Xu hướng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tập trung đòi hỏi phải đẩy mạnh thực hiện liên kết ngang giữa những người sản xuất và liên kết dọc theo chuỗi giá trị sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm xuất khẩu.

- Xu thế liên doanh, liên kết, hợp tác trong tình hình hội nhập kinh tế quốc tế vẫn là chủ yếu, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp an toàn, đây là điều kiện thuận lợi cho KTTT phát triển.

- Mô hình HTX với những tính ưu việt, vì cộng đồng vẫn là sự lựa chọn tin cậy của người nông dân không chỉ ở các địa phương kém phát triển mà ở ngay cả các địa phương phát triển.

II. QUAN ĐIỂM

1. Tiếp tục củng cố, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; khắc phục những hạn chế, yếu kém. Tăng cường đầu tư của nhà nước và xã hội, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho kinh tế tập thể, trong đó HTX nông nghiệp là nòng cốt.

2. Phát triển mạnh các mô hình KTTT không chỉ có ý nghĩa về kinh tế mà còn có ý nghĩa về văn hóa, xã hội, môi trường, trật tự xã hội, nhất là ở nông thôn; nâng cao vị trí vai trò của KTTT, mà nòng cốt là HTX trong phát triển kinh tế-xã hội địa phương và đất nước.

3. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với phát triển KTTT, HTX; huy động lực lượng xã hội và nguồn lực trong và ngoài nước tham gia thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, HTX.

4. Khuyến khích phát triển bền vững kinh tế hợp tác, nòng cốt là HTX với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hiệu quả; tạo điều kiện cho kinh tế hộ phát triển có hiệu quả trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ; góp phần hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ; bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia; tạo điều kiện hình thành những tổ hợp nông-công nghiệp-dịch vụ công nghệ cao.

5. Củng cố tổ chức bộ máy, cán bộ; đồng thời tranh thủ nguồn đầu tư hỗ trợ tạo điều kiện của Nhà nước; đổi mới cơ chế quản lý; mở rộng ngành nghề, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động; góp phần xóa đói giảm nghèo, ổn định tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn.

6. Phát triển đa dạng các loại hình kinh tế hợp tác ở khu vực nông thôn, trên cơ sở liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ nông dân, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Phát triển KTTT phải phù hợp với tính chất của lực lượng sản xuất, phù hợp với mong muốn và nguyện vọng của người nông dân và thành viên.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức KTTT, nhất

là đối với HTX nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Xây dựng và phát triển mô hình KTTT, HTX nhanh và bền vững; phát huy hiệu quả trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế và cải thiện đời sống thành viên; phát triển thành viên thông qua thu hút ngày càng nhiều nhân dân, hộ kinh tế cá thể và tổ chức tham gia KTTT, HTX; góp phần xây dựng xã hội hợp tác, đoàn kết và đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đặc biệt là đối với nông nghiệp và nông thôn.

2. Mục tiêu cụ thể tới năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

a) Về mục tiêu đến năm 2030:

- Đến năm 2030, toàn huyện có 25 HTX hoạt động sản xuất, kinh doanh, với ít nhất 254 thành viên.

- Số HTX hoạt động đạt loại tốt, khá chiếm từ 60%-70% trên tổng số HTX trên địa bàn huyện. Tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã tốt nghiệp cao đẳng, đại học đạt ít nhất 25%; 80% giám đốc HTX được đào tạo sơ cấp nghề giám đốc.

- Thực hiện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp để phấn đấu đến năm 2030, trên địa bàn huyện có trên 15 HTX đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản; thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với hàng hóa nông sản.

- Tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp và HTX, phấn đấu có khoảng 50% HTX nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.

- Xử lý dứt điểm các HTX đã ngừng hoạt động.

b) Về tầm nhìn đến năm 2045:

- Đến năm 2045, toàn huyện có 40 HTX hoạt động sản xuất, kinh doanh, với ít nhất 359 thành viên.

- Số HTX hoạt động đạt loại tốt, khá chiếm từ 80%-90% trên tổng số HTX trên địa bàn huyện. Tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã tốt nghiệp cao đẳng, đại học đạt ít nhất 40%; 100% giám đốc HTX được đào tạo sơ cấp nghề giám đốc.

- Thực hiện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp để phấn đấu đến năm 2045, trên địa bàn huyện có trên 30 HTX đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản; thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với hàng hóa nông sản.

- Tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp và HTX, phấn đấu có khoảng 80% HTX nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về thống nhất và nâng cao nhận thức về KTTT

- Tăng cường công tác vận động, tuyên truyền, quán triệt đối với cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức và người dân về bản chất, khẳng định vị trí, vai trò và tầm quan trọng của HTX trong điều kiện mới; thúc đẩy, lan tỏa tinh thần khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong HTX. Xác định rõ

phát triển KTTT, HTX là xu thế tất yếu, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên của huyện.

- Phát triển KTTT, HTX là nội hàm của tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. HTX chính là liên kết của các hộ nông dân, người lao động, phát triển KTTT, HTX không làm mất đi vai trò của kinh tế hộ mà còn nâng đỡ, phát huy sức mạnh cho kinh tế hộ phát triển. Hiệu quả của HTX chính là hiệu quả của hộ gia đình, HTX phát triển thì đời sống hộ thành viên ở nông thôn mới được nâng cao.

2. Về tăng cường vai trò của cấp ủy, chính quyền địa phương; sự phối hợp của các bộ ngành, đoàn thể trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển KTTT, HTX

- Xác định rõ vai trò trách nhiệm của các cấp ủy đảng, đặc biệt là người đứng đầu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết về phát triển KTTT, HTX. Đưa phát triển KTTT là một trong những nội dung quan trọng trong kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của huyện.

- Củng cố và phát triển tổ chức đảng trong các HTX theo quy định của Đảng, trên cơ sở tôn trọng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của HTX.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân nắm rõ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về KTTT; gắn các hoạt động của tổ chức hội với các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới; thực hiện tốt chức năng giám sát việc thực hiện Luật HTX năm 2012 và các chính sách phát triển KTTT, HTX.

3. Về kiện toàn cơ cấu tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về KTTT, liên minh HTX các cấp và các tổ chức chính trị-xã hội liên quan đến KTTT

- Củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KTTT, HTX thống nhất từ huyện đến xã, Phòng Tài chính-Kế hoạch và UBND các xã, thị trấn giúp UBND huyện thống nhất quản lý nhà nước chung về KTTT, HTX. Bố trí công chức chuyên trách đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao quản lý nhà nước về KTTT, HTX, tránh tình trạng không có đơn vị hoặc cán bộ chuyên trách theo dõi về KTTT.

- Nâng cao vai trò quản lý nhà nước đối với KTTT, HTX theo hướng tăng cường kiểm tra, thanh tra tình hình thực hiện pháp luật của HTX; hỗ trợ, hướng dẫn để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho HTX hoạt động; tránh tình trạng buông lỏng hoặc can thiệp quá sâu, không đúng đối với tổ chức, hoạt động của hợp tác xã. Chính quyền các cấp cần phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của HTX, không can thiệp vào công việc nội bộ của HTX, đặc biệt là phương án sản xuất kinh doanh và công tác nhân sự.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về KTTT, HTX; phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chương trình giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực quản lý, kinh tế thương mại, công nghệ cho thành viên, những người tham gia KTTT.

4. Về đẩy mạnh đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức KTTT

- Tiếp tục thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nguồn nhân lực có trình độ về làm việc tại các HTX, đặc biệt đối với vùng sâu, vùng xa, vùng địa bàn khó khăn. Tham mưu, đề xuất với UBND huyện thực hiện chế độ ưu đãi và quy định cụ thể để giữ lại cán bộ quản lý HTX giỏi, có năng lực quản lý và tâm huyết đối với HTX.

- Hướng dẫn tổ chức, củng cố lại hoạt động của các HTX theo đúng bản chất của Luật HTX và các văn bản hướng dẫn. Phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bảo vệ lợi ích của thành viên trong HTX; vận động thành viên HTX góp vốn và nâng mức góp vốn; vận động HTX thu hút thêm thành viên mới; quan tâm phát triển cả HTX nông nghiệp và phi nông nghiệp.

- Hướng dẫn xử lý đối với các trường hợp HTX không đăng ký và tổ chức lại hoạt động theo Luật HTX năm 2012; giải thể các HTX không hoạt động, vướng mắc về công nợ, vốn góp, không để các HTX tồn tại hình thức và các HTX hoạt động không đúng bản chất; xử lý nợ tồn đọng để lành mạnh hóa khu vực KTTT, HTX.

- Tiếp tục hỗ trợ cho các HTX có nhu cầu và đủ điều kiện thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho cán bộ HTX.

5. Về xây dựng các mô hình kinh tế tập thể kiểu mới phù hợp với bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hội nhập kinh tế quốc tế

- Hỗ trợ kết nối, giới thiệu các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện sản xuất của các hợp tác xã nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất và khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

- Thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất kinh doanh cho các HTX nông nghiệp, hướng tới chuyển đổi số trong thời đại công nghiệp 4.0.

- Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế và Hạ tầng và các cơ quan, đơn vị liên quan khuyến khích các tổ chức KTTT, HTX chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghệ 4.0, từng bước thực hiện chuyển đổi số nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường và từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm.

6. Về nhân rộng và phát triển mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành công theo phương thức sản xuất gắn với chuỗi giá trị tại vùng dân tộc thiểu số, miền núi

- Hướng dẫn, hỗ trợ các HTX nông nghiệp phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, sản xuất hàng hóa tập trung, liên kết theo chuỗi giá trị, sản phẩm đạt tiêu chí Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

- Xây dựng mô hình HTX và tổng kết mô hình HTX hoạt động hiệu quả, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, chương trình OCOP nhằm mục tiêu bảo vệ môi trường, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho thành

viên và từ đó nhân rộng mô hình tiêu biểu trong toàn huyện.

7. Về hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường cho sản phẩm nông nghiệp, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm truyền thống của các HTX, nông dân

Xây dựng, quản lý, duy trì và phát triển nhãn hiệu các sản phẩm chủ lực của huyện; thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm; tư vấn, hướng dẫn cho các HTX xây dựng các tiêu chuẩn chất lượng, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến phù hợp; tư vấn hướng dẫn sử dụng nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp đã được bảo hộ cho các sản phẩm của huyện.

8. Về tập trung nguồn lực từ ngân sách nhà nước và thị trường để hỗ trợ các mô hình kinh tế tập thể sản xuất gắn với chuỗi giá trị làm cơ sở để triển khai nhân rộng

Xây dựng Kế hoạch phát triển KTTT, HTX theo từng giai đoạn 2021-2025, mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 theo ngành, lĩnh vực, địa phương. Tham mưu cân đối, bố trí nguồn lực thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước (ngân sách tỉnh, ngân sách Trung ương). Đưa nội dung phát triển KTTT vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm và hàng năm của phòng, ban, ngành, địa phương.

9. Về vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, hội, hiệp hội huyện, xã, thị trấn trong phát triển KTTT, HTX

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, Hội Nông dân huyện, Hội Liên hiệp phụ nữ huyện, Huyện đoàn, Hội cựu chiến binh huyện và các tổ chức hội khác trong vận động các tầng lớp nhân dân, các thành viên tự nguyện tham gia và thực hiện các quy định pháp luật về KTTT, HTX; đồng thời cần có chương trình, kế hoạch hành động, phối hợp với các tổ chức thành viên trong việc phát triển KTTT, HTX.

- Quan tâm, phát triển các tổ chức, cơ sở đảng, đoàn thể trong tổ chức KTTT, HTX.

- Trên cơ sở Luật HTX năm 2012, các quy định pháp luật có liên quan và tình hình thực tế hiện nay, nghiên cứu, đề xuất các quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động và nội dung, phương thức hỗ trợ đối với HTX do hội viên làm chủ; bảo đảm các quy định phù hợp với tính chất, đặc điểm của hội viên mình nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các hội viên tham gia thành lập HTX; tuyên truyền, vận động hội viên tích cực tham gia thành lập HTX.

**Phần IV
ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

I. Đối với Chính phủ và Bộ, ngành Trung ương

- Đề nghị Chính phủ có các chính sách hỗ trợ triển khai riêng cho các tỉnh miền núi với nguồn kinh phí hạn hẹp như Điện Biên, để các HTX có thể được thụ

hưởng hầu hết các chính sách hỗ trợ của nhà nước. Các chính sách ưu đãi của nhà nước như: Chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ HTX, chính sách hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại; chính sách hỗ trợ ứng dụng đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, khuyến nông, khuyến ngư; Chính sách hỗ trợ HTX đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống của cộng đồng thành viên và tham gia các chương trình phát triển KT-XH... cần tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện và có tác dụng thiết thực hơn đối với sự phát triển của các HTX.

- Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các chính sách hỗ trợ một cách đồng bộ, kịp thời, rõ ràng, cụ thể (tại mục 1 - Điều 6 - Luật HTX 2012) để các cấp, ngành địa phương dễ dàng nắm bắt và triển khai có hiệu quả tới HTX.

II. Đối với UBND tỉnh và Sở, ngành tỉnh

Đề nghị UBND tỉnh và Sở, ngành tỉnh cần quan tâm sâu sát hơn nữa tới phát triển HTX, tạo điều kiện thuận lợi cho các HTX là đầu mối thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh.

Đề nghị UBND tỉnh phân cấp nhiệm vụ chi và nguồn vốn đến cấp huyện để thực hiện hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể. VD như: Ngân hàng chính sách huyện thực hiện hỗ trợ các HTX vay vốn với lãi suất ưu đãi; Ngân sách cấp huyện hỗ trợ: Đào tạo tập huấn, bồi dưỡng thành viên, người lao động của HTX; Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất như: nhà, xưởng; Hỗ trợ áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, giống, phân bón... vào sản xuất nông nghiệp.

Trên đây là Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 của Hội nghị Trung ương 5, khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn huyện của UBND huyện Tuần Giáo./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Tuyên